TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **90**/2020/QĐST-HNGĐ	*Như Thanh, ngày 27 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn M - Sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Văn M.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn M thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con cái:* Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn M thống nhất có 02 con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 27/9/1993 và Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 06/11/2001.

Hai bên thỏa thuận: Hai cháu Lê Tuấn A và Lê Ngọc A đã đủ 18 tuổi nên hai

bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị T và anh Lê Văn M thống nhất: Chị T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0006403 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá. Chị T được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH

Thẩm phán

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Thi hành án (để thi hành);
- UBND TT B, huyện N;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

Lê Đình Huy